TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày 06/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Phong và bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Minh T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 28 tháng 9 năm 1998 tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 13A khu 4, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 25/4/2015, TAND thành phố Uông Bí xử phạt 42 tháng tù về tội: "Cướp tài sản". Ngày 25/12/2017 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 07/01/2018, tạm giam từ ngày 07/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

1. Anh Phạm Tường L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 4 khu 2, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Lại Văn P, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 26 khu 7, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Những người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 31/12/2017, tại tổ 11, khu 3, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố UB phát hiện bắt quả tang Hoàng Minh T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ trên tay trái T: 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5 x 1,5) cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, BKS 14Y1 – 162.56 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1102, màu đen.

Tại Bản Kết luận giám định số 61, ngày 02/01/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine; Trọng lượng: 1,501 gam (*Một phẩy năm không một gam*).

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Minh T khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 31/12/2017, Hoàng Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, BKS 14Y1 – 162.56 từ nhà T ở tổ 17B, khu 5A đến nhà chị T tổ 11, khu 3 đều thuộc phường QT, thành phố UB, mục đích mua ma túy "đá" để sử dụng (T biết chị T do được bạn bè chỉ đường, trước đó chưa mua ma túy của chị T lần nào). Đến cổng nhà chị T, T đứng gọi thì có một người phụ nữ đi ra (trời tối nên T không nhìn rõ mặt). T nói: "*Chị cho em lấy túi hai*" (*ý của T là mua ma túy "đá" với giá 200.000 đồng*) và đưa 200.000 đồng cho người phụ nữ. Người này nhận tiền rồi đi vào nhà, khoảng 02 phút sau quay ra đưa cho T 01 túi nilon màu trắng. T kiểm tra thấy bên trong túi nilon đúng là ma túy và cầm ở lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về, khi đi được khoảng 100m thì bị lực lượng công an thành phố UB phát hiện, bắt quả tang.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSUB-QN ngày 13/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Hoàng Minh T về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"***, theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hoàng Minh T như bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Minh T với mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của những người làm chứng và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ 30 phút ngày 31/12/2017, tại tổ 11, khu 3, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Hoàng Minh T có hành vi tàng trữ 1,501 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố UB phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma tuý nêu trên.

Xét về nhân thân, bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự; có một tiền án; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt: Bị cáo phạm tội khi Bộ luật hình sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên: Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** từ hai năm đến bảy năm tù. Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội này là từ một năm đến năm năm tù. Đối chiếu với quy định của hai bộ luật trên thì thấy: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao hơn khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 về cùng một tội và hiện nay Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xem xét khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi đối với bị cáo để quyết định hình phạt đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm bởi nó xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý. Bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó,

cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) đến 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, BKS 14Y1 – 162.56 của anh Nguyễn Kế T, sinh năm 1989, trú tại tổ 13, khu 4, phường QT, thành phố UB. Anh T không biết việc T mượn xe mô tô của anh để mua ma túy về sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh T, nên không đề cập xử lý; chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1102, màu đen, thu giữ của Hoàng Minh T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho gia đình T, nên không đề cập xử lý; 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 61/GĐMT của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh còn nguyên vẹn, là ma túy loại Methamphetamine thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Bị cáo khai đã mua ma tuý của đối tượng nữ tên "T" tại tổ 11, khu 3, phường QT, thành phố UB, nhưng bị cáo khai không rõ lai lịch đối tượng này, cơ quan điều tra xác minh tại địa chỉ trên không có ai ở nhà nên không làm rõ được đối tượng để xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố: bị cáo Hoàng Minh T phạm tội: "***Tàng trữ trái phép chất ma tuý***".

2. Xử phạt: **Hoàng Minh T 24** (***hai mươi bốn***) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 61/GĐMT của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh còn nguyên vẹn.

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng hồi 09 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Hoàng Minh T phải nộp 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo.
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định